TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2023/KDTM-PT
Ngày 13/7/2023
V/v *"Tranh chấp giao dịch sửa chữa xe ô tô 14C-216.XX"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

***Các Thẩm phán*:** Ông Bùi Đức Bằng

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh - Kiểm sát viên

Trong các ngày 06 và 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 31/2023/TLPT-KDTM ngày 15/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc "Tranh chấp giao dịch sửa chữa xe ô tô 14C-216XX".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 27/2022/KDTM-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân quận HK, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 245/2023/QĐ-PT ngày 09/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa kinh doanh thương mại phúc thẩm số 344/2023/QĐ-PT ngày 07/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Công ty cổ phần P

Địa chỉ: Tổ 5, khu 8A, phường QH, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Phước T – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hồng S và bà Trần Thị D. Cùng địa chỉ: Số 5A/579 đường L, phường XL, quận TH, thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền ngày 14/10/2021); có mặt

-Bị đơn: Tổng công ty B

Địa chỉ: Số 104 THĐ, phường CN, quận HK, thành phố Hà Nội

Địa chỉ liên lạc: Số 7 LTK, phường PCT, quận HK, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân V – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

+Bà Vũ Thu T – Phó giám đốc Ban pháp chế và kiểm tra nội bộ; có mặt

+Ông Lương Tôn Đ – Phó giám đốc Ban giám định bồi thường xe cơ giới; có mặt

+Ông Phùng Duy T - Phó trưởng Phòng quản lý giám định bồi thường xe cơ giới; có mặt

+Ông Luyện Minh Đ - Chuyên viên chính Ban pháp chế và kiểm tra nội bộ; có mặt

(theo Giấy ủy quyền số 5360/UQ-BHBV ngày 18/11/2021)

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Văn H. Địa chỉ: Tổ 6, TS, phường CS, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt

-Người làm chứng:

1.Công ty BVĐB. Địa chỉ: Số 237 đường TP, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn H – Giám đốc; vắng mặt

2.Ông Lưu Mạnh C. Địa chỉ nơi làm việc: Công ty BVĐB, số 237 đường TP, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt

3.Ông Trần Thế T. Địa chỉ nơi làm việc: Phó phòng hỗ trợ phát triển kinh doanh Công ty BVĐB, số 237 đường TP, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh; có mặt

4.Ông Hứa Duy D. Địa chỉ nơi làm việc: Ban bồi thường Công ty BHV, tầng 4, tòa nhà I, số 243 ĐLT, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội; vắng mặt

5.Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Xã TM, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt

6.Ông Đỗ Đặng S. Địa chỉ nơi làm việc: Trưởng phòng hỗ trợ phát triển kinh doanh Công ty BVĐB, số 237 đường TP, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần P (sau đây viết tắt là Công ty P) và Công ty B có quan hệ hợp tác nhiều năm. Công ty P đã tiến hành sửa chữa rất nhiều xe ô tô bị tai nạn là khách hàng của Công ty B, giữa hai bên có hai văn bản nội dung hợp tác kinh doanh.

Ngày 01/07/ 2017, ông Nguyễn Mạnh C – Phó Giám đốc phụ trách Công ty B và ông Dương Phước T – Giám đốc của Công ty P đã ký kết thỏa thuận hợp tác kinh doanh.

Ngày 15/11/2019, ông Phạm Văn H – Giám đốc của Công ty B và ông Dương Phước T – Giám đốc của Công ty P đã ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20/2019.

Theo nội dung hợp đồng, Công ty P giới thiệu các khách hàng của mình tham gia bảo hiểm xe cơ giới của Công ty B, thay mặt Công ty B thu phí bảo hiểm của khách hàng và thực hiện các công việc khác theo nội dung ủy thác của Công ty B. Tiếp nhận và thực hiện sửa chữa các xe cơ giới bị tai nạn, thiệt hại theo yêu cầu của Công ty B trên cơ sở các hạng mục đã được chủ xe/ đại diện chủ xe, Công ty B và các bên liên quan thống nhất sửa chữa theo biên bản giám định thiệt hại xe, bảng tính chi tiết sửa chữa/đơn giá sửa chữa. Khi các phương tiện xe cơ giới được bảo hiểm tại Công ty B bị tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm, Công ty B sẽ tư vấn khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty P. Công ty P cung cấp các dịch vụ sửa chữa, thay thế vật tư cho khách hàng của Công ty B với chất lượng và dịch vụ tốt nhất trên cơ sở các điều khoản đã thống nhất trong hợp đồng.

Quy trình hợp tác thực tế giữa Công ty P và Công ty B như sau: Khi xe ô tô tham gia bảo hiểm tại Công ty B xảy ra tai nạn thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Công ty B và được Công ty B đồng ý đưa vào sửa chữa tại Công ty P, xe bị nạn được đưa về gara của Công ty P.

Đại diện Công ty P – ông Dương Phước T và bà Nguyễn Thị H hỗ trợ giám định viên của Công ty B cùng chủ xe tiến hành giám định thiệt hại.

Dựa trên biên bản giám định thiệt hại, Công ty P xây dựng phương án sửa chữa và báo giá sửa chữa, nếu phương án sửa chữa và báo giá sửa chữa được chấp nhận thì Công ty P tiến hành sửa chữa.

Sau khi quá trình sửa chữa hoàn tất, Công ty B bảo lãnh cho xe xuất xưởng. Khi xe được xuất xưởng, Công ty P gửi hóa đơn sửa chữa để Công ty B kiểm tra và chuyển tiền bồi thường.

Tháng 10/2019, Công ty P tiếp nhận, sửa chữa 01 xe ô tô biển kiểm sát 14C-216XX của ông Đỗ Văn H là khách hàng của Công ty B, do ông Trần Văn B điều khiển bị tai nạn ngày 05/10/2019 tại khai trường Công ty T, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh.

Ông Lưu Mạnh C là giám định viên đã thực hiện giám định thiệt hại cho xe ô tô biển kiểm sát 14C-216XX vào ngày 5/10/2019 tại nơi xảy ra tai nạn và ngày 10/11/2019 tại Công ty P.

Ngày 11/11/2019, Công ty P đã làm báo giá sửa chữa cho xe ô tô 14C-216XX, cũng trong ngày ông C đã trình phương án giám sát giá xe ô tô 14C-216XX tới Ban lãnh đạo B – Công ty BVĐB. Chi phí sửa chữa xe ô tô biển kiểm soát 14C-216XX là: 584.185.875 VNĐ + thuế GTGT (10%) là 58.418.588 VNĐ. Tổng số tiền là: 642.604.463 VNĐ.

Ngày 20/12/2019, cán bộ giám định của Tổng công ty B và Công ty BVĐB đã bảo lãnh xe xuất xưởng sau sửa chữa và phương tiện tài sản đã được dứt điểm nghiệm thu và bàn giao cho khách theo biên bản nghiệm thu kỹ thuật và bàn giao xe ngày 20/12/2019. (Chi tiết được thể hiện trong Vi bằng số 23/2021/VB-TPL ngày 02 tháng 02 năm 2021).

Nhận thấy sự kiện xảy ra đã đáp ứng đầy đủ điều kiện thanh toán theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20/2019, nhưng Công ty BVĐB vẫn không thanh toán chi phí sửa chữa cho Công ty P. Ngày 29/05/2020, tiếp theo là ngày 12/11/2020, Công ty P đã gửi văn bản đề nghị Công ty BVĐB xem xét giải quyết bồi thường và thanh toán số tiền sửa chữa xe ô tô biển kiểm soát 14C-216XX nhưng đến nay chưa được thanh toán.

Công ty P có căn cứ cho yêu cầu khởi kiện:

- Thứ nhất, xe ô tô 14C-216XX đã mua bảo hiểm với Công ty BVĐB, thời hạn bảo hiểm được tính từ 11 giờ 00 phút ngày 17/11/2017 đến 23 giờ 59 phút ngày 16/11/2019, phí bảo hiểm là 26.782.140 đồng gồm cả thuế GTGT phù hợp với Điều 1 của Thỏa thuận hợp tác ngày 01/7/2017

- Thứ hai, Công ty P đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm được quy định tại Điều 3 của Thỏa thuận hợp tác ngày 01/7/2017

- Thứ ba, Công ty BVĐB đã bảo lãnh cho xe ô tô biển kiểm soát 14C-216XX xuất xưởng sau sửa chữa phù hợp với Điều 2 của Thỏa thuận hợp tác ngày 01/7/2017 và Điều 7 phụ lục 05 của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20/2019 ngày 15/11/2019.

Tài liệu chứng minh về việc bảo lãnh là nội dung tin nhắn giữa ông C và bà Nguyễn Thị H nhân viên của Công ty P như sau:

Bà H: Bảo lãnh được chưa anh.

Ông C: Rồi đấy e.

Công ty P đã khởi kiện vụ việc tại Tòa án nhân dân quận HK theo thẩm quyền giải quyết tranh chấp do là nơi bị đơn có trụ sở căn cứ vào quy định pháp luật và

Điều 8 Hợp đồng hợp tác kinh doanh 2019. Còn trong "Thỏa thuận hợp tác kinh doanh năm 2017" có thỏa thuận Tòa án kinh tế Quảng Ninh giải quyết thì Quảng Ninh không có cấp tòa này, nên thỏa thuận này vô hiệu.

Công ty P cho rằng quá trình hợp tác kinh doanh với Công ty BVĐB có sự kế thừa phát triển, nên khi hai bên ký hợp đồng mới là hợp đồng hợp tác năm 2019 thì nguyên đơn đề nghị đươc giải quyết theo hợp đồng năm 2019. Trong cả quá trình hai bên làm việc, Công ty BVĐB hoàn toàn biết quá trình chủ xe đưa xe vào Công ty P và họ tham gia ngay từ đầu. Nếu không có hợp đồng bảo hiểm ký giữa ông Đỗ Văn H chủ xe và Công ty BVĐB thì Công ty BVĐB không thể tham gia sửa chữa xe, giám định xe, lấy hồ sơ công an. Về việc bảo lãnh cho xuất xe sau khi sửa chữa tại xưởng của Công ty P: Bị đơn đang lấy hợp đồng hợp tác năm 2017 để xác định vấn đề bảo lãnh. Nhưng đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh năm 2019, phần bảo lãnh không quy định ai là người có thẩm quyền được bảo lãnh (Điều 7). Điều 597 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định bồi thường thiệt hại do pháp nhân gây ra. Ông Lưu Mạnh C thực hiện công việc của Công ty BVĐB thì Công ty BVĐB và Tổng công ty B phải chịu trách nhiệm. Còn ông Lưu Mạnh C có lỗi như thế nào thì đó là việc giải quyết giữa ông Lưu Mạnh C và Công ty BVĐB. Công ty BVĐB trình bày không có trách nhiệm với chủ xe thì phải cung cấp văn bản từ chối bồi thường để nêu rõ không có trách nhiệm vụ việc và bằng chứng đã giao văn bản từ chối bồi thường cho chủ xe và Công ty P.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Tổng công ty B thanh toán cho Công ty P tiền sửa chữa xe ô tô xe ô tô 14C-216XX số tiền là: 584.185.875 VNĐ.

- Buộc Tổng Công ty B thanh toán cho Công ty P tiền lãi chậm trả tính từ ngày 29/5/2020 đến ngày 05/5/2021 là: 584.185.875 VNĐ x 11 tháng x 0.8375% = 53.818.124 VNĐ (Năm mươi ba triệu tám trăm mười tám nghìn một trăm hai mươi tư đồng)

Tổng số tiền Công ty P yêu cầu Tổng công ty B phải trả là: 584.185.875VNĐ + 53.818.124 VNĐ = 638.003.999 VNĐ.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Ngày 01/7/2017, Công ty BVĐB – bên A (Công ty thành viên hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty B) và Công ty P – bên B ký "Thỏa thuận hợp tác" về phối hợp sửa chữa tài sản bảo hiểm. Căn cứ theo các điều 1, 2, 3, 4 của "Thỏa thuận hợp tác" đến thời điểm Công ty P khiếu nại Công ty BVĐB, thỏa thuận hợp tác về phối hợp sửa chữa tài sản bảo hiểm ký ngày 01/7/2017 vẫn còn hiệu lực.

Hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh số 20 ký ngày 15/11/2019 có hiệu lực 15/11/2019. Sự kiện bảo hiểm xảy ra ngày 05/10/2019, xe được Công ty P đưa vào xưởng sửa chữa ngày 10/10/2019 tức trước khi hợp đồng hợp tác kinh doanh năm

2019 có hiệu lực pháp luật nên sự kiện bảo hiểm phải được thực hiện theo thỏa thuận hợp tác về phối hợp sửa chữa tài sản bảo hiểm năm 2017.

Căn cứ Điều 5 thỏa thuận hợp tác về phối hợp sửa chữa tài sản bảo hiểm năm 2017 hai bên thỏa thuận Tòa án Kinh tế thành phố Quảng Ninh giải quyết tranh chấp. Đề nghị Tòa án quận HK chuyển thẩm quyền giải quyết cho Tòa án Kinh tế thành phố Quảng Ninh. Hơn nữa nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều ở Quảng Ninh nên sẽ thuận lợi cho các bên trong việc đi lại.

Xe bị cháy vào 05/10/2019 sau đó chủ xe tự chủ động gọi cẩu cứu hộ về nơi sửa chữa là Công ty P, Công ty BVĐB không hướng dẫn tư vấn, giới thiệu chủ xe lựa chọn vào xưởng của Công ty P. Nên căn cứ Điều 1 thỏa thuận hợp tác ký ngày 01/7/2017 và Hợp đồng hợp tác ngày 15/11/2019, việc sửa chữa xe bị cháy không thuộc phạm vi điều chỉnh của hai hợp đồng này.

Ngày 15/10/2019, tại xưởng sửa chữa ô tô P, giám định viên của Công ty BVĐB, đại diện xưởng sửa chữa ô tô P, đại diện chủ xe ô tô 14C-216XX, cán bộ phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh đã tiến hành khám nghiệm xe.

Tại biên bản khám nghiệm xe, Công ty BVĐB không có đề cập bất cứ nội dung gì về việc đề nghị Công ty P sửa chữa xe ô tô 14C-216XX.

Ngày 28/10/2019, Công ty BVĐB có gửi giấy hướng dẫn bổ sung hồ sơ cho ông Trần Văn B (đại diện chủ xe ô tô 14C-216XX), trong đó hướng dẫn bổ sung hồ sơ phục vụ cho công tác giám định tổn thất và xem xét giải quyết hồ sơ yêu cầu bồi thường bao gồm: Giấy đăng ký xe, Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, …

Tại văn bản này, Công ty BVĐB không có đề cập bất cứ nội dung gì liên quan đến việc tư vấn, giới thiệu, hướng dẫn hay chỉ định chủ xe ô tô sửa chữa xe tại Công ty P.

Ngày 10/11/2019, Công ty BVĐB đã tiến hành giám định thiệt hại xe ô tô 14C-216XX theo đúng quy trình nội bộ của Tổng công ty B, địa điểm giám định tại Công ty P. Biên bản giám định được lập giữa giám định viên của Công ty BVĐB và đại diện chủ xe ô tô 14C-216XX

Từ sau ngày 10/11/2019, Công ty BVĐB, Tổng công ty B và Công ty P không ký bất kỳ một hợp đồng sửa chữa nào hoặc có bất kỳ văn bản nào đề nghị Công ty P sửa chữa đối với xe ô tô BKS 14C - 216XX. Việc sửa chữa xe ô tô BKS 14C - 216XX hoàn toàn theo thỏa thuận giữa Công ty P và chủ xe. Công ty BVĐB không biết và không có liên quan.

Phương án giá ông Lưu Mạnh C trình ngày 11/12/2019 chỉ có chữ ký của ông Lưu Mạnh C, chưa có phê duyệt của lãnh đạo phòng hỗ trợ phát triển kinh doanh và giám đốc Công ty BVĐB. Trên bản tờ trình phương án giám sát giá chưa có chữ ký, họ tên xác nhận của khách hàng, chưa có chữ ký họ tên xác nhận của đơn vị sửa chữa Công ty P. Đây là văn bản nội bộ của Tổng công ty B. Tổng công ty B không

có bất kỳ thông báo nào cho Công ty P thể hiện Tổng công ty BHBV thống nhất phương án giá để Công ty P sửa chữa như thỏa thuận hợp tác.

Về công tác bảo lãnh: Theo thỏa thuận hợp tác ký năm 2017, việc bảo lãnh được thực hiện trong giờ làm việc, ngoài giờ làm việc có thể bảo lãnh bằng tin nhắn, thẩm quyền bảo lãnh là ông Nguyễn Mạnh C – Phó giám đốc phụ trách công ty (bảo lãnh trên 50 triệu đồng). Ngoài quy định tại thỏa thuận này, Công ty BVĐB và Công ty P không có văn bản nào thay thế thẩm quyền người bảo lãnh đồng thời người nhận thông tin bảo lãnh của Công ty P là người đại diện theo pháp luật của Công ty P theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 5700693XXX. Theo Vi bằng số 23 ngày 02/3/2021 thì ông Lưu Mạnh C và bà Nguyễn Thị H có trao đổi tin nhắn vào khung thời gian 11h12' và hồi 14h45' ngày 19/12/2019. Như vậy, thời gian trao đổi xảy ra vào giờ làm việc nên việc bảo lãnh được thực hiện bằng văn bản và ông Lưu Mạnh C cũng không có thẩm quyền bảo lãnh theo thỏa thuận hợp tác 2017.

Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh năm 2019 tại Điều 6 có thỏa thuận Công ty BVĐB sẽ không thanh toán tiền sửa chữa xe cho Công ty P trong trường hợp xe ra xưởng mà không có bảo lãnh bằng văn bản của Công ty BVĐB. Ngày 11/12/2019 ông Lưu Mạnh C trình phương án về giá không có thông báo gì với Công ty P, tuy nhiên đến ngày 19/12/2019 Công ty P đã sửa chữa xe xong, giá trị sửa chữa hơn 600 triệu đồng.

Việc ông Lưu Mạnh C có nhắn tin cho bà H thể hiện việc bảo lãnh thì ông Lưu Mạnh C không có thẩm quyền và cũng không được ủy quyền vì ông Lưu Mạnh C chỉ là giám định viên thực hiện nhiệm vụ giám định theo hợp đồng lao động và quyết định điều động cán bộ năm 2017.

Bà Nguyễn Thị H không phải là người được ủy quyền để nhận thông báo bảo lãnh. Công ty P và Công ty BVĐB chưa có bất kỳ thỏa thuận nào về việc ủy quyền cho bà H để nhận thông báo bảo lãnh. Công ty BVĐB cho rằng việc Công ty P dựa vào tin nhắn của hai người không có thẩm quyền đại diện để thực hiện cho xe ra xưởng trong khi đã biết hai người không có thẩm quyền đại diện thì đây là trách nhiệm riêng của Công ty P không liên quan đến Công ty BVĐB.

Nguyên đơn không có quyền đề nghị Công ty BVĐB cung cấp văn bản từ chối bồi thường của Công ty BVĐB cho chủ xe do đây là thỏa thuận theo hợp đồng bảo hiểm đã ký giữa Công ty BVĐB và chủ xe, nguyên đơn chỉ là đơn vị sửa chữa theo chỉ định của chủ xe không phải của Công ty BVĐB.

Nguyên đơn cho rằng theo quy định tại Điều 597 Bộ luật Dân sự, Công ty BVĐB phải bồi thường thiệt hại do người của pháp nhân gây ra, Công ty BVĐB cho rằng theo khoản 2 Điều 142 Bộ luật Dân sự, trường hợp người đã giao dịch biết hoặc phải biết về việc không có quyền đại diện mà vẫn giao dịch (Công ty P) thì người không có quyền đại diện (ông Lưu Mạnh C) không phải thực hiện nghĩa vụ với Công ty P. Theo khoản 1 Điều 87 Bộ luật Dân sự, pháp nhân phải chịu trách

nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập thực hiện nhân danh pháp nhân, trường hợp này ông C không có quyền đại diện. Theo Điều 6 hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20/2019 ngày 15/11/2019 Tổng công ty B sẽ không phải chịu trách nhiệm thanh toán chi phí dịch vụ sửa chữa cho các trường hợp xe ra xưởng mà không có bảo lãnh bằng văn bản của Tổng công ty B.

Về thẩm quyền bảo lãnh, nguyên đơn cho rằng thẩm quyền bảo lãnh theo hợp đồng 2017 là đúng, theo hợp đồng năm 2019 thì hợp đồng không quy định rõ danh sách người có thẩm quyền được bảo lãnh (Điều 7) bị đơn cho rằng: trường hợp không có chỉ định cá nhân của Công ty BVĐB được quyền bảo lãnh thì thẩm quyền bảo lãnh là của giám đốc Công ty BVĐB theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về việc Công ty BVĐB hoàn toàn biết việc sửa chữa, bị đơn có ý kiến: Việc giám định là trách nhiệm độc lập của Tổng công ty B với tài sản được bảo hiểm, không liên quan đến xưởng sửa chữa của Công ty P.

Trách nhiệm giám định này thực hiện theo quy định của luật kinh doanh bảo hiểm và quy tắc bảo hiểm đã ký giữa Tổng công ty B và chủ xe (Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 khi xảy ra sự kiện bảo hiểm doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện việc giám định tổn thất để xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất theo quy tắc bảo hiểm vật chất ô tô ban hành kèm theo quyết định số 6556 QĐ-BHBV ngày 28/12/2016 của Tổng công ty B tại Điều 14 quy định khi xe bị tai nạn chủ xe phải thông báo tai nạn bằng văn bản gửi Tổng công ty B. Chủ xe không được di chuyển, tháo dỡ, sửa chữa xe khi chưa có ý kiến của Tổng công ty B. Mọi tổn thất về tài sản như ô tô đều được Tổng công ty B giám định trực tiếp với sự có mặt của chủ xe nhằm xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại), như vậy Tổng công ty B có quyền giám định xe ở bất cứ địa điểm nào kể cả xưởng sửa chữa của Công ty P.

Theo Điều 4 thỏa thuận hợp tác năm 2017 thì thỏa thuận hợp tác năm 2017 có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi một trong hai bên có nhu cầu chấm dứt bằng văn bản. Yêu cầu chấm dứt được gửi trước thời điểm chấm dứt hợp đồng tối thiểu là 30 ngày. Tại Điều 5 thỏa thuận hợp tác năm 2017 quy định hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, điều khoản trong hợp đồng này.

Công ty P và Công ty BVĐB chưa có bất cứ yêu cầu chấm dứt nào gửi trước thời điểm chấm dứt hợp đồng tối thiểu 30 ngày theo thỏa thuận hợp tác năm 2017. Tại hợp đồng hợp tác năm 2019 giữa Công ty BVĐB và Công ty P không có điều khoản nào thể hiện việc chấm dứt hiệu lực của thỏa thuận hợp tác ký năm 2017. Tại Điều 2 hợp đồng hợp tác năm 2019 có thỏa thuận thời hạn thỏa thuận là 1 năm và tự động gia hạn cho các năm tiếp theo, trường hợp một bên muốn chấm dứt hợp đồng này trước thời hạn thì phải thông báo cho bên kia ít nhất 15 ngày. Tại Điều 9 hợp đồng hợp tác năm 2019 hai bên cam kết thực hiện các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng này. Mặt khác, theo Điều 1 hợp đồng hợp tác năm 2019 quy định Công ty P tiếp nhận và thực hiện sửa chữa thiệt hại xe cơ giới do tai nạn gây ra theo yêu cầu

của Công ty BVĐB. Đối với vụ việc này Công ty BVĐB không tư vấn cho chủ xe sử dụng dịch vụ của Công ty P. Chủ xe tự chủ động liên hệ với Công ty P không thông qua Công ty BVĐB. Theo Điều 6 hợp đồng hợp tác năm 2019 quy định Công ty BVĐB sẽ không thanh toán tiền sửa chữa cho Công ty P trong trường hợp Công ty P tự thống nhất với chủ xe về việc sửa chữa.

Quan điểm của Tổng công ty B: không phát sinh nghĩa vụ đối với Công ty P, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty P. Tổng công ty B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn H không có văn bản ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H làm kế toán tại Công ty P từ năm 2008 đến tháng 8/2021 theo hợp đồng lao động ký kết giữa hai bên. Nhiệm vụ của bà H thực hiện theo nội dung hợp đồng đã ký kết, nhưng trên thực tế là công ty nhỏ nên bà H còn làm thêm các công việc theo sự phân công như liên lạc trực tiếp để tiến hành việc sửa chữa với Công ty BVĐB, liên hệ với chủ xe tai nạn.

Trong quá trình công tác tại Công ty P, bà H nhận thấy Công ty P sửa chữa rất nhiều xe tai nạn do là khách hàng của Công ty BVĐB.

Quy trình thực hiện mỗi lần sửa chữa: Khi vụ việc tai nạn xảy ra khách hàng của Công ty BVĐB báo trực tiếp với cán bộ Công ty BVĐB, theo bà H hiểu vào ca trực của cán bộ giám định viên phụ trách thì cán bộ giám định viên đó có trách nhiệm liên hệ trực tiếp với Công ty P để Công ty P thực hiện sửa chữa xe. Do giữa Công ty P và Công ty BVĐB có thỏa thuận hợp tác kinh doanh, sau này là hợp đồng hợp tác kinh doanh nên giám định viên sẽ gọi điện báo cho Giám đốc công ty là ông Dương Phước T hoặc bà H nội dung về việc thực hiện sửa chữa xe bị tai nạn. Sau đó tại xưởng P, Công ty P cùng giám định viên, chủ xe bị tai nạn: tháo dỡ xe, giám định chi tiết, đánh giá thiệt hại thực tế, lập biên bản có chữ ký ba bên. Tiếp đó Công ty P báo giá cho Công ty BVĐB. Công ty BVĐB thông qua báo giá nếu đồng ý thì Công ty P tiến hành sửa chữa. Nếu Công ty BVĐB chưa thông qua báo giá thì hai bên sẽ đàm phán đưa ra phương thức và giá thống nhất, giữa Công ty P và Công ty BVĐB chưa xảy ra trường hợp không đàm phán được giá để Công ty BVĐB phải mang xe đến xưởng khác sửa chữa.

Khi sửa chữa xong, xe hoàn thiện, trực tiếp là ông T hoặc bà H sẽ thông báo luôn luôn bằng gọi điện thoại hoặc nhắn tin với giám định viên – người làm hồ sơ từ đầu đưa xe vào xưởng với nội dung thông báo xe đã sửa xong, hỏi về việc có bảo lãnh xe bị tai nạn xuất xưởng được chưa.

Trong vụ việc cụ thể với khách hàng là ông Đỗ Văn H, xe bị tai nạn là xe ô tô BKS 14C – 216XX, giấy chứng nhận đăng ký xe số 0429XX, bà H có nhắn tin với giám định viên Lưu Mạnh C là người trực tiếp đưa xe bị tai nạn vào xưởng sửa

chữa, nội dung tin nhắn: hồi 11 giờ 12 phút ngày 19/12/2019 bà H nhắn zalo "anh C ơi xe cháy đã xong chưa a, bảo lãnh dc chưa anh" ý bà H hỏi ông C là xe đã được xuất xưởng chưa. Hồi 14 giờ 45 phút cùng ngày, bà H nhắn zalo hỏi ông C "a C ơi xe cháy là ra dc chưa a" ý bà H là xe cháy đã đồng ý cho xuất xưởng chưa.

Hồi 09 giờ 11 phút, ngày 20/12/2019 bà H nhắn tin zalo hỏi ông C "XE CHÁY LÀM HỢP ĐỒNG CHƯA A ƠI" ý bà H hỏi ông C đã hoàn thiện hồ sơ chưa.

Ông C đã trả lời bà H về tin nhắn như sau: tin nhắn hồi 11 giờ 12 phút ngày 19/12/2019 ông C trả lời zalo "rồi đấy em, từ từ hãy thả, đầu giờ chiều đi" "à mà bảo với chủ xe là xe hết Bh và đăng kiểm rồi đấy". Bà H trả lời "để e bảo ông T bảo", theo bà H hiểu là bà H sẽ báo với Giám đốc T để ông T báo với chủ xe về việc bảo hiểm của chiếc xe đấy đã hết hạn, cần phải mua bảo hiểm mới cũng như việc đăng kiểm đã quá hạn đăng kiểm. Ông C nhắn "ko ra đường làm sao lại bảo ko nói trước", bà H nhắn "đăng kiểm nó đi khám lại rồi anh, còn bảo hiểm để e bảo" í là đăng kiểm lưu hành xe thì chủ xe đã đi khám đăng kiểm lại, còn bảo hiểm hết hạn thì bà H sẽ báo với ông T để ông T báo với chủ xe.

Tin nhắn hồi 14 giờ 45 phút ngày 19/12/2019 ông C trả lời zalo "rồi em ạ, nhớ thu tiền khấu hao của khách đấy nhé, mai e cho người ta lấy xe ra nhé". Bà H có hỏi lại "mai ạ" ông C nhắn tiếp "quản lý xe vừa báo 8h sáng mai mới được, chắc xem ngày giờ lấy xe".

Tin nhắn ngày 20/12/2019 ông C trả lời zalo "Rồi e ơi".

Từ ngày 05/10/2019 đến ngày 20/12/2019 chỉ có duy nhất xe ô tô BKS 14C – 216XX, giấy chứng nhận đăng ký xe số 0429XX do Công ty P sửa chữa theo yêu cầu của Công ty BVĐB.

Từ khi bà H làm kế toán tại Công ty P năm 2008 đến ngày 31/12/2019 thực tế Công ty P cho xe xuất xưởng theo trao đổi bằng điện thoại hoặc tin nhắn với Công ty BVĐB mà không yêu cầu văn bản bảo lãnh.

Từ năm 2020 đến nay, Công ty P yêu cầu phải có bảo lãnh bằng văn bản thì mới cho xe xuất xưởng.

Toàn bộ nội dung tin nhắn giữa bà H và ông C là do ông T chỉ đạo bà H hỏi ông C hỏi về việc xe xuất xưởng chưa, bà H có báo lại ông T về nội dung trả lời của ông C.

Ngày 20/12/2019, ông T cho chiếc xe bị tai nạn BKS 14C – 216XX, giấy chứng nhận đăng ký xe số 0429XX đã được sửa chữa cho xuất xưởng.

Bà H giải thích nội dung tin nhắn ông C nhắn bà H qua zalo "nhớ thu tiền khấu hao của khách đấy nhé", nội dung này Công ty P và Công ty BVĐB đã thống nhất bằng miệng, không có văn bản từ trước đến nay. Khi xe bị tai nạn cụ thể vụ việc này xe cháy hỏng hết các loại dầu, lốp thì khách hàng sẽ chịu 50% chi phí còn lại 50%

bảo hiểm sẽ thanh toán cho xưởng Công ty P. Ví dụ: lốp bị hỏng phải thay mới có giá 1 triệu, bảo hiểm sẽ thanh toán cho Công ty P 500.000 đồng còn lại 500.000 đồng chủ xe sẽ thanh toán cho Công ty P.

Bà H xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa tại Tòa án vì lý do sức khỏe.

Người làm chứng ông Trần Thế T trình bày:

Trong vụ việc tranh chấp giữa Công ty P và Tổng công ty B với khách hàng bảo hiểm là ông Đỗ Văn H xảy ra vào ngày 05/10/2019, thời điểm đó ông T được phân công với chức danh phụ trách giám định bồi thường của Công ty BVĐB. Trong số các cán bộ giám định viên ông T phụ trách quản lý có ông Lưu Mạnh C là giám định viên.

Ông T và xưởng sửa chữa P không có quan hệ gì, ông T cũng không có quan hệ cá nhân với ông Dương Phước T và bà H kế toán xưởng P. Ông T biết xưởng T qua công việc bảo hiểm của Công ty BVĐB vì xưởng P sửa chữa rất nhiều xe ô tô thuộc đối tượng bảo hiểm là khách hàng của Công ty BVĐB.

Ông T khái quát về quy trình giải quyết bảo hiểm như sau: Khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, Công ty BVĐB nhận được tin bảo của khách hàng bảo hiểm (khách hàng bảo hiểm có thể báo sự kiện bảo hiểm qua đại lý bảo hiểm hoặc số hotline hoặc báo trực tiếp cán bộ bảo hiểm) vào ca trực nào thì cán bộ (giám định viên) ca đó trực tiếp tiếp nhận thụ lý, cụ thể sẽ phải đến hiện trường vụ việc, kiểm tra giấy tờ, chụp ảnh, xác định sơ bộ nguyên nhân ban đầu, hướng dẫn khách hàng bảo hiểm thu thập giấy tờ, sau đó khách hàng sẽ đưa xe bị tai nạn về cơ sở sửa chữa (việc đưa xe về cơ sở sửa chữa có thể khách hàng hỏi giám định viên tư vấn hoặc tự lựa chọn nơi sửa chữa sau đó báo lại giám định viên). Sau khi xưởng sửa chữa nhận xe, xưởng cùng giám định viên cùng giải thể xe, chụp ảnh, đánh giá tổn thất thiệt hại sau đó xưởng lên báo giá sửa chữa, gửi giám định viên bản báo giá sửa chữa xe. Tiếp đó, giám định viên lập bản phương án giám sát sửa chữa xe trình người phụ trách giám định bồi thường và luân chuyển đến các cấp phê duyệt (theo phân cấp). Sau khi được phê duyệt đóng dấu gửi đến xưởng, xưởng đồng ý sửa chữa với đơn giá đó thì xưởng mới tiến hành sửa chữa xe theo quy định.

Quy trình chung về việc bảo lãnh xe ra khỏi xưởng sửa chữa: Sau khi đã sửa chữa xong, xưởng hoặc khách hàng thông báo cho giám định viên để yêu cầu bảo lãnh xe ra xưởng. Với tổn thất đến 30 triệu đồng thì chức danh phụ trách giám định bồi thường của Công ty BVĐB (là ông T) có thẩm quyền phê duyệt việc bảo lãnh xe ra khỏi xưởng. Với tổn thất đến 50 triệu đồng thì chức danh trưởng phòng hỗ trợ phát triển kinh doanh (anh S) của Công ty BVĐB có thẩm quyền phê duyệt việc bảo lãnh xe ra khỏi xưởng. Với tổn thất trên 50 triệu đồng đến 200 triệu đồng thì chức danh giám đốc Công ty BVĐB (anh H) có thẩm quyền phê duyệt việc bảo lãnh xe ra khỏi xưởng. Với tổn thất trên 200 triệu thì Công ty BVĐB phải trình cấp trên Tổng

công ty B sẽ phê duyệt hoặc yêu cầu bổ sung. Toàn bộ việc bảo lãnh xe ra khỏi xưởng của chức danh nào cũng phải có văn bản "giấy bảo lãnh xe ô tô xuất xưởng" gửi đến xưởng sửa chữa để xưởng sửa chữa trả xe cho chủ sở hữu (xuất xưởng).

Trong vụ việc cụ thể với khách hàng là ông Đỗ Văn H, khách hàng H đã báo vụ tai nạn vào ngày 05/10/2019 cho phòng bảo hiểm CP là nơi bán bảo hiểm cho ông H, sau đó phòng bảo hiểm CP nhắn tin vào ứng dụng viber là thông tin nội bộ của Công ty BVĐB.

Theo như quy trình ông T đã trình bày thì cán bộ trực sẽ tiếp nhận giải quyết nên khả năng hôm đó ông Lưu Mạnh C trực tiếp thực hiện nhiệm vụ ca trực và đến hiện trường giải quyết theo quy trình như ông T đã trình bày.

Ngày 07/01/2019 ông Lưu Mạnh C có lập và gửi báo cáo giám định sơ bộ nội dung báo cáo vụ tai nạn trên trang nội bộ của công ty. Ông T khẳng định đã yêu cầu ông Ch dẫn khách hàng H thu thập chứng cứ tài liệu, hồ sơ điều tra của công an về vụ việc tai nạn, tiếp theo ông C đã thực hiện nhiệm vụ công việc của giám định viên theo đúng quy trình.

Ngày 11/11/2019, xưởng P lập báo giá sửa chữa cho xe ô tô BKS 14C - 216XX, giấy chứng nhận đăng ký xe số 0429XX mang tên Đỗ Văn H.

Ngày 11/12/2019, giám định viên Lưu Mạnh C lập văn bản đề xuất giám sát sửa chữa trình đến ông T. Theo chức năng kiểm soát đơn giá sửa chữa ông T đã kiểm soát và ký nháy vào văn bản sau đó chuyển đến ông Đỗ Đặng S – Trưởng phòng hỗ trợ phát triển kinh doanh, ông S xét và ký đề xuất vào văn bản đề xuất này, tiếp đó văn bản này được trình duyệt đến giám đốc Công ty BVĐB là ông Phạm Văn H.

Cùng ngày ông H ký, đóng dấu trình báo cáo phân cấp đến Tổng Công ty B. Văn bản này được trình đến ông Hứa Duy D là người thuộc Ban giám định bồi thường xe cơ giới "phụ trách Công ty BVĐB" tiếp nhận và xử lý.

Ông T khẳng định giám định viên C và bà H kế toán xưởng P có hỏi ý kiến ông T về việc bảo lãnh xe ra khỏi xưởng, ông T có trả lời về đơn giá giám sát sửa chữa thì đồng chí D đã đồng ý, còn về việc bảo lãnh xe thì ông C phải kiểm tra kiểm soát hồ sơ và trình bảo lãnh.

Người làm chứng ông Lưu Mạnh C trình bày:

Sau khi được giao nhiệm vụ giám định tổn thất xe ô tô 14C-216XX ông Lưu Mạnh C đã thực hiện các công việc sau: Liên hệ với chủ xe/lái xe/người đại diện của họ để đánh giá, hướng dẫn chủ xe/lái xe/người đại diện của họ làm những việc cần thiết. Thực hiện các biện pháp cứu người và tài sản, hạn chế tối đa tổn thất kéo theo. Thông báo tổn thất tới các cơ quan chức năng và cơ quan có liên quan nếu thấy cần thiết. Dự kiến phương án giám định, thống nhất với lái xe, chủ xe về thời gian, địa điểm giám định. Trực tiếp thực hiện giám định.

Thông tin về nội dung vụ việc: Vào hồi 14h ngày 05/10/2019, ông C nhận được thông báo tổn thất xe 14C-216XX từ phòng khai thác Công ty BVĐB. Sau khi

nhận thông báo, ông đã liên lạc tới người quản lý xe theo số điện thoại được phòng khai thác cung cấp. Sau khi liên lạc được với người quản lý xe tên Hoàng Văn K số điện thoại 0976710XXX vào lúc 14h05 ngày 05/10/2019, cùng lúc ông nhận được điện thoại của ông T là chủ xưởng sửa chữa của Công ty P. Ông T hỏi ông C nhận vụ tai nạn này và ông C đã bảo vâng, sau đó ông C hỏi lại là sao ông T biết thì ông T nói là đã được quản lý xe báo và đợi xem giám định viên nào tiếp nhận thì sẽ đưa đến hiện trường vụ cháy xe, sau đó ông C và ông T di chuyển đến hiện trường vụ cháy tại đường chuyên dùng của Công ty Đ, thuộc phường CT, thành phố CP, Quảng Ninh.

- Sau khi đến hiện trường vụ cháy, ông C đã chụp ảnh, giám định hiện trường và yêu cầu có hồ sơ pháp lý của Công an thành phố Cẩm Phả và hồ sơ khám nghiệm xác nhận nguyên nhân gây cháy của phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Quảng Ninh.

Sau đó, quản lý xe chủ động gọi cứu hộ kéo xe 14C-216XX về xưởng P. Việc lựa chọn xưởng sửa chữa của Công ty P là do quản lý xe chủ động thỏa thuận, thống nhất riêng với ông P. Ông C và Công ty BVĐB không có bất cứ hướng dẫn, tác động nào về việc lựa chọn xưởng sửa chữa.

Ngày 25/10/2019, ông C thực hiện giám định chi tiết tại xưởng sửa chữa như sau: Chụp ảnh tổng thể xe và tổng thể thiệt hại. Thợ sửa chữa tháo dỡ các hạng mục hư hỏng, ông C chụp ảnh chi tiết. Đồng thời ghi nhận các hạng mục hư hỏng vào biên bản giám định. Kết thúc giám định thống nhất với các bên, cho ký tên vào biên bản giám định.

Sau khi hoàn tất công tác giám định, ngày 10/11/2019 ông đã báo cáo với ông Trần Thế T (phụ trách giám định bồi thường, phòng hỗ trợ PTKD).

Sau khi tháo dỡ giải thể xong, xưởng P đã lên báo giá sửa chữa ngày 11/11/2019 và gửi cho Công ty BVĐB, ông C trực tiếp là người nhận báo giá này từ bà Nguyễn Thị H (kế toán Công ty P).

Căn cứ báo giá sửa chữa và thiệt hại thực tế, ông C lập phương án sửa chữa trình duyệt giá theo phân cấp. Quy trình như sau: ông C trình ông T, ông T duyệt xong thì trình ông Đỗ Đặng S (trưởng phòng hỗ trợ phát triển kinh doanh) sau đó ông Song trình giám đốc Công ty BVĐB đã duyệt ngày 11/12/2019.

Việc duyệt phương án sửa chữa thực hiện theo quy trình nội bộ của Tổng công ty B. Sau khi có duyệt giá của Công ty BVĐB, ông C đã gửi cho bà Nguyễn Thị H (kế toán Công ty P) và gửi cho ông Hứa Huy D là cán bộ được Ban giám định bồi thường xe cơ giới Tổng công ty B chỉ đạo phối hợp (do xe trên phân cấp của Công ty BVĐB) vào ngày 11/12/2019.

Ngày 19/12/2019 bà H và ông T chủ xưởng đã thông báo cho ông C và ông T được biết xe đã sửa xong, chủ xe và quản lý (ông K) ô tô BKS 14C-216XX gọi điện cho ông C thúc ép cũng như chửi bới yêu cầu Công ty BVĐB phải bồi thường bảo hiểm và thay mặt chủ xe thực hiện bảo lãnh xe ra khỏi xưởng của Công ty P. Ông C đã trao đổi với ông Trần Thế T về việc chủ xe phản ánh và xin ý kiến chỉ đạo của ông T để trả lời chủ xe.

Ngày 19/12/2019 ông Trần Thế T chỉ đạo ông C báo ông T và nhân viên xưởng là bà Nguyễn Thị H để cho chủ xe lấy xe về để hoạt động sản xuất. Cụ thể: vào 11h12 ngày 19/12/2019 theo chỉ đạo của ông T, ông C đã nhắn tin qua zalo bằng điện thoại cá nhân cho bà Nguyễn Thị H. Nội dung tin nhắn như sau:

Bà H: Bảo lãnh được chưa anh.

Ông C: Rồi đấy e.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, theo ông C trong vụ việc này giữa ông C và Công ty P không phát sinh bất cứ quyền và nghĩa vụ dân sự nào.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị HĐXX chấp nhận:

- Buộc Tổng công ty B thanh toán cho Công ty P tiền sửa chữa xe ô tô 14C-216XX số tiền là: 584.185.875 VNĐ.

- Buộc Tổng công ty B thanh toán cho Công ty P tiền lãi chậm trả tính từ ngày 29/5/2020 đến ngày 28/5/2022 là: 584.185.875 VNĐ x 28 tháng x 0.485%= 79.332.442 VNĐ (lãi suất ước tính từ lãi suất trung bình của 03 ngân hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam)

Tổng số tiền Công ty P yêu cầu Tổng công ty B phải trả là: 584.185.875VNĐ + 79.332.442 VNĐ = 663.518.317 VNĐ.

Bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn trình bày:

Công ty P báo giá sửa chữa, thay thế với khách hàng và Công ty BVĐB là 821.160.000 đồng. Thực tế Công ty P đã tiến hành sửa chữa, thay thế phụ tùng xe ô tô 14C-216.70 là 614.932.500 đồng. Giá trị được Tổng công ty B chấp nhận theo thông báo của giám định viên Lưu Mạnh C theo quy định của bảo hiểm chỉ được 584.185.875 đồng. Số tiền chênh lệnh sẽ do ông H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty P.

Công ty P và ông Đỗ Văn H không ký kết hợp đồng sửa chữa xe ô tô 14C-216XX bằng văn bản, đã thực hiện thỏa thuận sửa chữa bằng thực tế, tài liệu chứng minh là "Biên bản nghiệm thu kỹ thuật và bàn giao xe ngày 20/12/2019".

Công ty P và Công ty BVĐB không ký kết hợp đồng sửa chữa xe ô tô 14C-216XX bằng văn bản mà việc sửa chữa xe căn cứ trên hợp đồng nguyên tắc là hợp đồng số 20 ngày 15/11/2019 và thỏa thuận hợp tác ngày 01/7/2017. Thực tế nếu hai bên không có tranh chấp thì sau khi thu thập đầy đủ hồ sơ theo hướng dẫn của Công ty BVĐB thì hai bên ký hợp đồng sửa chữa xe ô tô 14C-216XX để hoàn thiện hồ sơ bảo hiểm, tức thực hiện quy trình cuối cùng để nhận được tiền bảo hiểm.

Quy trình thực hiện hợp tác kinh doanh giữa Công ty P và Công ty BVĐB từ trước đến nay không có tài liệu, văn bản nào có nội dung bảo lãnh.

Bị đơn trình bày:

Theo Điều 11 Quy chế tổ chức và hoạt động do Hội đồng thành viên Tổng công ty B ban hành ngày 04/5/2017 cho phép người đại diện chi nhánh có thẩm quyền ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20/2019 ngày 15/11/2019 và Thỏa thuận hợp tác về phối hợp sửa chữa tài sản bảo hiểm ngày 01/7/2017. Hai văn bản này được hiểu là hợp đồng dịch vụ để phục vụ công tác bảo hiểm.

Bị đơn ngoài ban hành "Quy tắc bảo hiểm vật chất xe cơ giới" không ban hành quy trình nào về việc dịch vụ sửa chữa xe có bảo hiểm của Tổng công ty B.

Tổng Công ty B đã có văn bản ngày 09/5/2022 về việc giao nộp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ để xác định tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định sự phản đối của Tổng công ty B đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty P.

Bị đơn xác nhận văn bản do nguyên đơn giao nộp trong quá trình giải quyết vụ án: Công văn số 98 ngày 02/7/2020 của Công ty BVĐB là văn bản do Công ty BVĐB phát hành có nội dung: Công ty BVĐB xin thông báo đến quý ông Đỗ Văn H về việc rủi ro tổn thất cháy xe ô tô BKS 14C-216XX xảy ra vào ngày 05/10/2019 không thuộc trách nhiệm bồi thường của BVĐB.

Bị đơn đã yêu cầu Công ty BVĐB kiểm tra việc có gửi cho Công ty P không và Công ty BVĐB đã báo cáo chưa gửi. Bị đơn khẳng định ghi Công ty P tại phần nơi nhận là ghi nhầm của Công ty BVĐB.

Việc thực hiện đúng quy trình về bảo hiểm đối với các xe bị tai nạn và trường hợp chiếc xe ô tô 14C – 216XX: việc lập hoàn thiện toàn bộ các tài liệu thực hiện trong trường hợp thuộc phạm vi bảo hiểm của Tổng công ty B theo quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô do Tổng công ty B ban hành.

Bị đơn xác nhận trên thực tế trong quá trình giao dịch sửa chữa các xe ô tô có bảo hiểm của Tổng công ty B giữa Công ty BVĐB và Công ty P không có văn bản hay tài liệu nào có nội dung bảo lãnh. Thực tế, việc bảo lãnh bằng văn bản chính là biên bản thanh lý hợp đồng sửa chữa xe ô tô trong từng vụ việc cụ thể.

Người làm chứng ông Đặng Đình S trình bày: Trong vụ việc sửa chữa, bảo hiểm xe ô tô 14C-216XX có bảo hiểm của Tổng công ty B, ông chưa từng giao dịch trực tiếp với ông T cũng như bà H. Công ty BVĐB thực hiện đúng quy trình đã thỏa thuận, ký kết, giám định viên là người thực hiện theo sự chỉ đạo, quy định của quy trình.

Người làm chứng ông Hứa Duy D trình bày: Ông khẳng định ông đã nhận được đầy đủ hồ sơ bảo hiểm vụ cháy xe ô tô 14C-216XX do ông C giao nộp bằng văn bản. Hồ sơ này hoàn thiện sau khi ông trao đổi về giá trị bảo hiểm theo bản trình phương án giám sát xe của ông C báo cáo, ông đã cho giá theo đúng giá thị trường. Thời điểm ông còn công tác tại Tổng công ty B, việc duyệt ký hồ sơ bảo hiểm xe ô tô 14C-216XX đã đến người có thẩm quyền là ông Nguyễn Ngọc K, chức vụ Trưởng phòng giám định xe cơ giới của Ban bồi thường xe cơ giới Tổng Công ty B.

Ông Nguyễn Ngọc K là người phát hiện hồ sơ bảo hiểm thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm do có việc cơi nới thành thùng. Ông K đã chỉ đạo ông D báo lại ông C, ông T đo lại thành thùng xe ô tô 14C-216XX.

Người làm chứng ông Trần Thế T trình bày: Quá trình giao dịch sửa chữa, tiến hành thủ tục bảo hiểm xe ô tô 14C-216XX ông không giao dịch trực tiếp với ông T, bà H, mọi việc giao dịch chỉ có duy nhất giám định viên Lưu Mạnh C thực hiện. Ông nghe ông C báo cáo, sau đó chỉ đạo ông C và ông C thực hiện theo sự chỉ đạo của ông.

Về giá trị sửa chữa xe ô tô 14C-216XX, ông nhớ giá trị sửa chữa xe đã được ông cùng ông D, ông C bàn bạc, thống nhất, nội dung có trong nhóm zalo 03 người đã giao nộp Tòa án, sau đó ông C đã làm văn bản "Trình phương án giám sát xe ô tô 14C-216.70" giao nộp ông, ông T đã ký nháy sau đó chuyển cho ông S ký, tiếp đó ông H đã ký, đóng dấu. Theo văn bản này thì giá trị sửa chữa xe do BVĐB trình là 584.185.875 đồng.

Về việc thực hiện quy trình sửa chữa xe bị tai nạn có bảo hiểm tại Công ty P, thực tế việc ký kết hợp đồng sửa chữa xe trùng vào ngày lãnh đạo cao nhất có thẩm quyền duyệt giá.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 27/2022/KDTM-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân quận HK, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ vào

- Khoản 1 Điều 30; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 114; Điều 124; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 116, 117, 134, 135, 138 và 597 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Điều 306 Luật Thương mại;

- Luật Kinh doanh bảo hiểm;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Án lệ số 09 do Hội Đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thông qua và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh Án Tòa án nhân dân Tối cao

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty P đối với bị đơn - Tổng Công ty B; Buộc Tổng Công ty B trả cho Công ty P tổng số tiền sửa chữa là 663.518.317 đồng (Sáu trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm mười tám nghìn, ba trăm mười bẩy đồng). Cụ thể:

1.1. Buộc Tổng Công ty B trả cho Công ty P số tiền thực hiện sửa chữa sửa chữa xe ô tô xe ô tô 14C-216.70 số tiền là: 584.185.875 VNĐ.

1.2. Buộc Tổng Công ty B thanh toán cho Công ty P tiền lãi chậm trả tính từ ngày 29/5/2020 đến ngày 28/9/2022 là: 79.332.442 đồng (Bẩy mươi chín triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, bốn trăm bốn mươi hai đồng).

2. Án phí:

- Công ty P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.700.000 đồng (Mười bốn triệu, bẩy trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự. Biên lai tạm ứng án phí số AA/2016/0051270 ngày 25/10/2021.

- Tổng Công ty B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.540.733 đồng (Ba mươi triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, bẩy trăm ba mươi ba đồng)

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt Công ty P, Tổng Công ty B.

Công ty P, Tổng Công ty B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Đỗ Văn H có có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày

có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn Tổng công ty B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm do không khách quan, không phù hợp với hồ sơ vụ án, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty B, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Ông Trần Thế T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Vế tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty B, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Tổng công ty B phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Tổng công ty B được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty P với Tổng công ty B phát sinh từ giao dịch sửa chữa xe ô tô 14C-216XX, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn là Tổng công ty B có địa chỉ tại số Số 104 THĐ, phường CN, quận HK, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân quận HK, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Công ty P và Công ty BVĐB có quan hệ hợp tác nhiều năm. Công ty P đã tiến hành sửa chữa rất nhiều xe ô tô bị tai nạn là khách hàng của Công ty BVĐB, giữa hai bên có hai văn bản hợp tác kinh doanh, đó là: Ngày 01/7/2017 hai bên ký kết thỏa thuận hợp tác kinh doanh. Ngày 15/11/2019 hai bên ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20/2019. Theo đó, Công ty P giới thiệu các khách hàng của mình tham gia bảo hiểm xe cơ giới của Công ty BVĐB, thay mặt Công ty BVĐB thu phí bảo hiểm của khách hàng và thực hiện các công việc khác theo nội dung ủy thác của Công ty BVĐB. Tiếp nhận và thực hiện sửa chữa các xe cơ giới bị tai nạn, thiệt hại theo yêu cầu của Công ty BVĐB trên cơ sở các hạng mục đã được chủ xe/đại diện chủ xe, Công ty BVĐB và các bên liên quan thống nhất sửa chữa theo Biên bản giám định thiệt hại xe, bảng tính chi tiết sửa chữa/đơn giá sửa chữa. Khi các phương tiện xe cơ giới được bảo hiểm tại Công ty BVĐB bị tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm, Công ty BVĐB sẽ tư vấn khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty P. Công ty P cung cấp các dịch vụ sửa chữa, thay thế vật tư cho khách hàng của Công ty BVĐB với chất lượng và dịch vụ tốt nhất trên cơ sở các điều khoản đã thống nhất trong hợp đồng.

Xe ô tô biển kiểm soát 14C-216XX đã mua bảo hiểm với Công ty BVĐB, thời hạn bảo hiểm được tính từ 11 giờ 00 phút ngày 17/11/2017 đến 23 giờ 59 phút ngày 16/11/2019, phí bảo hiểm là 26.782.140 đồng gồm cả thuế giá trị gia tăng phù hợp với Điều 1 của Thỏa thuận hợp tác ngày 01/7/2017.

Ngày 05/10/2019 xe ô tô biển kiểm soát 14C-216XX của ông Đỗ Văn H là khách hàng của Công ty BVĐB do ông Trần Văn B điều khiển bị tai nạn tại khai trường Công ty Đ, thuộc phường CT, thành phố CP, Quảng Ninh. Công ty P tiếp nhận, sửa chữa. Ông Lưu Mạnh C là giám định viên của Công ty BVĐB đã thực hiện giám định thiệt hại cho xe ô tô biển kiểm soát 14C-216XX vào ngày 05/10/2019 tại nơi xảy ra tai nạn và ngày 10/11/2019 tại Công ty P.

Ngày 11/11/2019 Công ty P đã làm báo giá sửa chữa cho xe ô tô 14C-216XX. Cũng trong ngày, ông C đã trình phương án giám sát giá xe ô tô 14C-216XX tới ban lãnh đạo Công ty BVĐB. Chi phí sửa chữa xe ô tô biển kiểm soát 14C-216XX là 584.185.875 đồng cộng thuế GTGT (10%) là 58.418.588 đồng. Tổng số tiền là 642.604.463 đồng.

Ngày 20/12/2019 Tổng công ty B và Công ty BVĐB đã bảo lãnh xe xuất xưởng sau sửa chữa và phương tiện tài sản đã được dứt điểm nghiệm thu và bàn giao cho khách theo Biên bản nghiệm thu kỹ thuật và bàn giao xe ngày 20/12/2019. Nhưng Công ty BVĐB không thanh toán chi phí sửa chữa cho Công ty P. Ngày 29/5/2020, Công ty P đã gửi văn bản đề nghị Công ty BVĐB xem xét giải quyết bồi

thường và thanh toán số tiền sửa chữa xe ô tô biển kiểm soát 14C-216XX nhưng đến nay chưa được thanh toán.

Hội đồng xét xử thấy:

Trong quá trình từ lúc xe bị tai nạn, đưa vào xưởng sửa chữa của Công ty P, đến khi xuất xưởng thì Công ty BVĐB hoàn toàn biết, cử nhân viên là ông Lưu Mạnh C tham gia ngay từ đầu.

Ông Lưu Mạnh C đã tham gia tiến hành khám nghiệm xe ngày 15/10/2019 cùng với đại diện xưởng sửa chữa ô tô P, đại diện chủ xe ô tô 14C-216XX, cán bộ phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 10/11/2019 Công ty BVĐB đã tiến hành giám định thiệt hại xe ô tô 14C-216XX theo quy trình nội bộ của Công ty BVĐB tại xưởng sửa chữa của Công ty P.

Ngày 11/12/2019 ông Lưu Mạnh C đã lập văn bản đề xuất giám sát sửa chữa trình đến ông Trần Thế T, ông Trần Thế T đã kiểm soát và ký nháy vào văn bản, sau đó chuyển đến ông Đỗ Đặng S – trưởng phòng hỗ trợ phát triển kinh doanh, ông Song xét và ký đề xuất vào văn bản, rồi gửi đến ông Phạm Văn H là giám đốc Công ty BVĐB. Cùng ngày ông H ký, đóng dấu trình báo cáo phân cấp đến Tổng công ty B.

Ngày 19/12/2019 bà H đã thông báo cho ông Lưu Mạnh C về việc xe đã được sửa chữa xong. Ông Lưu Mạnh C đã nhắn tin cho bà H về việc Công ty BVĐB đồng ý bảo lãnh xe ra khỏi xưởng của Công ty P. Mặt khác, nội dung tin nhắn giữa ông Lưu Mạnh C và bà Nguyễn Thị H, nội dung cuộc nói chuyện trên nhóm zalo giữa ông C, ông T, ông D xác nhận Công ty BVĐB đã đồng ý giá sửa chữa và đồng ý bảo lãnh xe ô tô BKS 14C-216XX xuất xưởng sau khi sửa chữa xong tại xưởng của Công ty P.

Nhưng đến ngày 02/7/2020 Công ty BVĐB có công văn số 98 nội dung: Công ty BVĐB xin thông báo đến quý ông Đỗ Văn Hải về việc rủi ro tổn thất cháy xe ô tô BKS 14C-216XX xảy ra vào ngày 05/10/2019 không thuộc trách nhiệm bồi thường của B.

Như vậy có nghĩa là sau khi Công ty BVĐB chốt bảo lãnh, cho phép xe tai nạn sau khi sửa chữa xong tại Công ty P xuất xưởng thì khi đó nội bộ B mới phát hiện ra việc chiếc xe 14C-216XX đã cơi nới thành thùng, ngoài ra còn có một số vấn đề khác phát sinh khó khắc phục.

Án sơ thẩm buộc Tổng công ty B trả cho Công ty P 584.185.875 đồng là tiền thực hiện sửa chữa xe ô tô 14C-216XX và 79.332.442 đồng là tiền lãi do chậm thanh toán (được tính từ ngày 29/5/2020 đến ngày 28/9/2022 với mức lãi suất trung bình liên ngân hàng 9,33%/năm) là có căn cứ, nên giữ nguyên.

Từ những phân tích trên và theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên Tổng công ty B phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 116; Điều 117; Điều 134; Điều 135; Điều 138 và Điều 597 của Bộ Luật Dân sự

Áp dụng Điều 306 của Luật Thương mại

Áp dụng Luật Kinh doanh bảo hiểm

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty B

- Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 27/2022/KDTM-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân quận HK, thành phố Hà Nội đã xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty P đối với bị đơn - Tổng công ty B

Buộc Tổng công ty B trả cho Công ty P:

- Số tiền thực hiện sửa chữa xe ô tô 14C-216.70 là: 584.185.875 đồng

- Số tiền lãi chậm trả là: 79.332.442 đồng

Tổng cộng là 663.518.317 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Tổng công ty B phải chịu 30.540.733 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

- Hoàn trả Công ty P 14.760.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0051270 ngày 25/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HK, thành phố Hà Nội.

3. Về án phí phúc thẩm:

Tổng công ty B phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ 2.000.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0051932 ngày 31/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HK, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận HK, tp Hà Nội;
- TAND quận HK, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn